TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1987;

Địa chỉ nơi cư trú: ấp LT, xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1983;

Địa chỉ nơi cư trú: ấp LT, xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào ngày 24/11/2007, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, hôn nhân không có tìm hiểu trước mà do mai mối. Sau khi cưới vợ chồng chị sống chung với gia đình anh T, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau khi có đứa con đầu tiên tiên thì vợ chồng sống không được hạnh phúc do anh T nghe lời cha mẹ mẹ, đi làm về không đưa tiền để lo cho vợ con nên chị và anh T đã ly thân được một thời gian đến khi cháu Thanh D chết năm 2014 thì vợ chồng mới về sống lại. Nhưng sau khi sinh cháu Thiên B thì vợ chồng lại lục đục không hạnh phúc nên vào tháng 5/2016 thì chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thiên B, sinh ngày 21/3/2015 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 01/11/2008 (đã chết). Nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thiên B và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Thừa nhận quá trình kết hôn đúng như trình bày của chị T. Khoảng năm 2015, thì anh và chị T cải nhau và chị T tự ý bỏ nhà đi về cha mẹ ruột ở cho đến nay, từ khi anh và chị T ly thân đến nay không có gặp nhau để hàn gắn gia đình. Qua yêu cầu ly hôn của chị T, anh không thống nhất ly hôn vì anh còn thương vợ. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thiên B, sinh ngày 21/3/2015 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 01/11/2008 (đã chết). Nay ly hôn, anh thống nhất để chị Thụy được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thiên B và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị T chung sống không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị T chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T; về con chung, công nhận sự

thỏa thuận của chị T và anh T, chị T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thiên B, sinh ngày 21/3/2015, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung, không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị T tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của chị và anh T không hạnh phúc, anh T chỉ nghe lời cha mẹ, không lo lắng quan ntâm đến vợ con, chị và anh T đã ly thân 02 lần; mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng tuy cũng có gặp nhau nhưng không bàn chuyện hàn gắn lại. Đối với anh T cho rằng anh không thống nhất ly hôn vì anh còn thương vợ nhưng anh trình bày khoảng năm 2015, thì anh và chị T cải nhau và chị T tự ý bỏ nhà đi về cha mẹ ruột ở cho đến nay, từ khi anh và chị T ly thân đến nay không có gặp nhau để hàn gắn gia đình. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T và anh T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T đã thỏa thuận được với nhau, chị T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên B, sinh ngày 21/3/2015, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi cha mẹ ly thân cho đến nay

cháu Thiên B đều sống sống với chị T và việc thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2.1. Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên B, sinh ngày 21/3/2015.

2.2. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003868 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã LT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng